



ISSN:
1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 10 (2018): 28-35

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 10 (2018): 28-35

ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THUỘC TỈNH BÌNH DƯƠNG

*Nguyễn Trọng Thuật**

*Cơ sở dạy nghề Đại Việt Phát – thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Ngày nhận bài: 28-7-2018; ngày nhận bài sửa: 15-9-2018; ngày duyệt đăng: 25-10-2018*

TÓM TẮT

Gắn kết đào tạo nghề với sử dụng lao động theo yêu cầu thực tiễn của thị trường là một trong những giải pháp đột phá được Bình Dương đặt ra để cung ứng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, giữa nhà trường và doanh nghiệp (DN) còn chưa có sự đồng hành giữa đào tạo và sử dụng. Bài viết tập trung phân tích thực trạng đào tạo nghề trình độ sơ cấp nhằm đáp ứng nhu cầu DN ở các khu công nghiệp thuộc tỉnh Bình Dương hiện nay.

Từ khóa: đào tạo sơ cấp nghề, nhu cầu doanh nghiệp, khu công nghiệp tỉnh Bình Dương.

ABSTRACT

***Primary vocational training to meet the needs of enterprise industrial park
in Binh Duong province***

Linking vocational training with the use of labor market practical requirements, is one of the breakthrough solutions set by Binh Duong to provide human resources to meet the needs of the development economic-society of the province. However, between the school and the business there is no cooperation between training and use. The article focused analysis the status of primary level vocational training to meet the human needs of Binh Duong industrial zone now.

Keywords: primary vocational training, enterprise demand, Binh Duong industrial zone.

1. Đặt vấn đề

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 23/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chấp hành Trung ương về “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tỉnh Bình Dương đã thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội là đào tạo nghề gắn với nhu cầu của DN thông qua việc hỗ trợ DN tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, lao động qua đào tạo nghề chỉ đáp ứng được từ 40-70% yêu cầu của DN. Mặt khác, sự gắn kết giữa các trường nghề và các cơ sở sử dụng lao động đã qua dạy nghề chưa chặt chẽ. Hoạt động đào tạo nghề của tỉnh thời gian qua chủ yếu dựa trên khả năng thực tế của các cơ sở dạy nghề (CSDN), chưa chú trọng đúng mức tới nhu cầu nhân lực khu công nghiệp (KCN) Bình

* Email: nguyentrongthuat11@gmail.com

Dương. Do đó, có tình trạng vừa không đủ lao động có tay nghề cung ứng cho DN, vừa có nhiều lao động không kiếm được việc làm phù hợp; DN phải đào tạo lại sau tuyển dụng. Chính vì vậy, đào tạo nghề trình độ sơ cấp đáp ứng nhu cầu DN ở các KCN tỉnh Bình Dương là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong bối cảnh hiện nay.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo của đề tài là điều tra bằng phiếu hỏi, đàm thoại, trao đổi trực tiếp với 37 giáo viên (GV), cán bộ quản lý (CBQL) của 5 CSDN có đào tạo nghề vận hành và sửa chữa thiết bị nâng trình độ sơ cấp; 45 CBQL và cán bộ kỹ thuật đến từ 15 DN ở Bình Dương; 56 học viên (HV) đã tốt nghiệp từ các CSDN này nhằm nghiên cứu, thu thập thông tin, đánh giá thực trạng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu DN của các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay. Nghiên cứu dùng phương pháp thống kê để xử lý các số liệu khảo sát từ bảng hỏi.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Khái niệm

Đào tạo nghề được định nghĩa là “hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học” (Luật Dạy nghề số 74/2014/QH13, năm 2014). Dạy nghề trình độ sơ cấp trang bị cho người học năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề. Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện từ 3 tháng đến dưới 1 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

Bảng 1. Bảng mô tả chuẩn đầu ra của trình độ sơ cấp
theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

Chuẩn đầu ra: Người tốt nghiệp trình độ sơ cấp (bậc 3) phải có:

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tế và lý thuyết về những nguyên tắc, quá trình và khái niệm thông thường trong phạm vi của một nghề đào tạo - Kiến thức phổ thông phục vụ cuộc sống, công việc nghề nghiệp, và học tập nâng cao - Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin liên quan đến công việc nghề nghiệp nhất định 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành để làm việc hoặc giải quyết công việc một cách độc lập - Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc độc lập trong các điều kiện ổn định và môi trường quen thuộc - Thực hiện công việc được giao và tự đánh giá kết quả theo các tiêu chí đã được xác định - Tham gia làm việc theo tổ, nhóm và chịu trách nhiệm một phần đối với kết quả công việc

Đào tạo nghề theo nhu cầu DN thực chất là đào tạo và nâng cao năng lực hành nghề cho đội ngũ lao động nhằm đáp ứng sự thay đổi và phát triển công nghệ sản xuất kinh doanh của DN trong một giai đoạn nhất định, trong đó DN được coi là chủ thể chính tham gia vào quá trình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

3.1.2. Nhu cầu đào tạo nhân lực sơ cấp nghề tại khu công nghiệp Bình Dương (xem Bảng 2)

Tính đến tháng 12/2017, toàn tỉnh có 72 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 7 trường cao đẳng, 13 trường trung cấp, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 41 cơ sở khác có đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Hằng năm, số lượng HV học nghề tốt nghiệp ở các trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng tại CSDN cung cấp cho thị trường lao động bình quân trên 30.000 người, trong đó nguồn nhân lực trình độ sơ cấp nghề là 25.500 người (chiếm 85%).

Bảng 2. Cơ cấu lao động qua đào tạo nghề 2012 – 2017

Năm	Dạy nghề	Sơ cấp nghề	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề
2012	100,0	92,0	6,0	2,0
2013	100,0	88,0	9,0	3,0
2014	100,0	80,0	12,0	4,0
2015	100,0	80,0	15,0	5,0
2016	100,0	77,0	17,0	6,0
2017	100,0	73,5	19	7,5

(Theo Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương đến năm 2020)

Tính chung trong 28 KCN Bình Dương, các DN có nhu cầu tuyển dụng 73,5% lao động phổ thông chỉ tham gia đào tạo nghề ngắn hạn dưới 3 tháng, 19% trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật, còn lại 7,5% số lao động/nhân viên trong DN có trình độ từ cao đẳng trở lên. Như vậy, cho thấy DN có nhu cầu tập trung chủ yếu lao động đào tạo nghề ngắn hạn, sơ cấp, trung cấp nghề. Một số ngành nghề được cho là thiếu hụt và rất cần thiết đối với các DN trong những năm gần đây là nghề vận hành xe nâng hàng, vận hành cầu trục (cầu trục, công trục, cần trục...); vận hành áp lực (lò hơi, máy nén khí...); bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nâng hạ, điện dân dụng, điện công nghiệp, cơ điện... do quy mô phát triển công nghiệp - dịch vụ ngày càng lớn. Nhìn chung, nhu cầu tuyển dụng lao động trình độ sơ cấp của các DN trong giai đoạn này phần lớn đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất và một phần dự phòng để bổ sung lượng lao động nghỉ việc. Trên thực tế, đại bộ phận làm việc trong các KCN là lao động nhập cư, không có kỹ năng nghề nghiệp. Lao động qua đào tạo, tuy đã có những chuyển biến tích cực về chất lượng, nhưng cơ cấu chưa hợp lý, nên vẫn tồn tại tình trạng thừa lao động có bằng cấp, thiếu lao động có kỹ thuật; lao động qua đào tạo vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các KCN về chất lượng và số lượng.

3.2. Thực trạng đào tạo nghề trình độ sơ cấp đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp của khu công nghiệp Bình Dương

3.2.1. Về hoạt động tuyển sinh đào tạo của các cơ sở dạy nghề

Kết quả khảo sát CBQL các trường dạy nghề cho thấy các CSDN tiến hành hình thức đào tạo tự phát và “chờ đợi” khi DN có nhu cầu để cung ứng (72,97%). Mặc dù dạy nghề theo đơn đặt hàng là cách để các trường khẳng định uy tín với cơ sở sử dụng lao động, chính quyền địa phương và để HV tốt nghiệp đáp ứng ngay được yêu cầu thực tiễn sản xuất mà không cần phải đào tạo lại, song hiện nay, hình thức đào tạo theo kiểu hợp đồng với DN hay đào tạo theo đơn hàng “ít khi” diễn ra (48,65%). Lí giải vấn đề này, đại diện CBQL Trường nghề Đại Việt Phát, bà Lê Ngọc N. cho biết việc đào tạo đội ngũ vận hành xe nâng và bảo dưỡng thiết bị nâng được xem như “chi phí” chứ không phải “đầu tư” cho lợi ích lâu dài của các DN. Đơn vị sử dụng lao động không yêu cầu người vận hành xe nâng phải biết sửa chữa hay bảo dưỡng nên nếu có hư hỏng hay sự cố về thiết bị xảy ra làm gián đoạn sản xuất thì thông thường họ phải gọi và chờ dịch vụ từ bên ngoài đến giải quyết sửa chữa. Còn các nhà máy tuy đang rất thiếu số lượng lao động kĩ thuật có tay nghề nhưng trong tình hình hiện nay phải tuyển đủ số lượng để đáp ứng nhu cầu sản xuất trước mắt và khi có nhu cầu đào tạo chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định của Sở Lao động Thương binh và Xã hội thì mới hợp đồng hoặc đặt hàng với CSDN.

3.2.2. Về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo sơ cấp so với nhu cầu của DN trong các khu công nghiệp

Chương trình đào tạo (CTĐT) là sản phẩm, kết quả của quá trình đào tạo. Căn cứ vào khung chương trình và chuẩn đầu ra của nghề đào tạo, nội dung CTĐT phải có tính linh hoạt, thích ứng nhanh và cập nhật thường xuyên những thay đổi của khoa học, công nghệ. Việc xây dựng nội dung CTĐT dựa trên tiêu chí đáp ứng nhu cầu DN là chính, tạo ra cơ hội việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Khảo sát ý kiến của GV tại các CSDN cho thấy (xem Bảng 3):

Bảng 3. Ý kiến của GV về mức độ phù hợp của CTĐT so với yêu cầu của DN

Nội dung	Mức độ			
	Không phù hợp	Ít phù hợp	Tương đối phù hợp	Phù hợp
Kiến thức	0,00%	2,70%	70,27%	21,62%
Kĩ năng	0,00%	5,41%	45,95%	32,43%
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	0,00%	0,00%	35,14%	37,84%

CTĐT cung cấp cho HV kiến thức chuyên môn tương đối phù hợp so với yêu cầu sản xuất kinh doanh (70,27%). Theo quy định, dạy nghề trình độ sơ cấp được thực hiện từ 3 tháng đến dưới 1 năm đối với người có trình độ học vấn, sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học, chương trình dạy nghề phân định rõ thời gian đào tạo thực hành tối thiểu bằng 70% tổng thời gian thực học. Nhưng qua kết quả thực tế cho thấy CTĐT của CSDN chưa

thật sự chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề cho người học (chiếm 45,95%). Nguyên nhân của vấn đề này là CSDN chưa thường xuyên tổ chức tiếp cận, thu thập thông tin, lấy ý kiến để có cơ sở thực tế điều chỉnh CTĐT cho phù hợp so với nhu cầu của DN; do khả năng đáp ứng của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho dạy thực hành và dạy học tích hợp còn nhiều hạn chế, chưa đủ về số lượng cũng như mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất của các DN (xem Bảng 4).

Bảng 4. Ý kiến của GV về khả năng đáp ứng của trang thiết bị, phương tiện dạy học cho các lớp sơ cấp nghề

Nội dung	Mức độ			
	Đầy đủ	Đáp ứng được	Còn thiếu	
Phòng dạy lí thuyết	29,73%	62,16%	8,11%	
Xưởng thực hành	35,14%	59,46%	5,11%	
Phương tiện dạy lí thuyết	64,86%	32,43%	2,70%	
Phương tiện dạy thực hành	8,11%	24,32%	67,57%	

Cơ sở vật chất, thiết bị nhà xưởng ảnh hưởng trực tiếp và là một trong những yếu tố quyết định hình thành kỹ năng thực hành nghề, có ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình hình thành và phát triển kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp của người học. Tuy nhiên, theo đánh giá của GV, phương tiện giảng dạy thực hành còn thiếu (chiếm 67,57%) và khá lạc hậu so với thực tế sản xuất, một số trường vẫn giữ lại chương trình cũ với loại xe nâng động cơ đốt trong gây hạn chế kỹ năng vận hành và khả năng thích ứng với sự thay đổi các loại máy móc thiết bị công nghệ hiện đại của DN. Dường như đây là tình trạng chung của các CSDN bởi việc tổ chức phân đào tạo thực hành nghề bảo dưỡng thiết bị tại xưởng trường thường cao hơn so với đào tạo tại nhà máy, phân xưởng.

3.3.3. Về mức độ đáp ứng của người học đang làm việc tại doanh nghiệp

Khảo sát ý kiến đánh giá của DN và người học đang làm việc tại các công ti, đồng thời thực hiện phỏng vấn CBQL của DN trực tiếp quản lý người lao động là HV của trường nhằm đánh giá mức độ đáp ứng người học về kiến thức, kỹ năng nghề, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm, khả năng thích nghi được đào tạo tại trường.

➤ *Thống kê kết quả ý kiến đánh giá của người học (xem Bảng 5)*

Bảng 5. Mức độ đáp ứng của người học so với yêu cầu của DN

Nội dung	Mức độ			
	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Lí thuyết	30%	54%	10%	6%
Thực hành	14%	18%	42%	26%
Tác phong công nghiệp	50%	28%	14%	8%
Ý thức trách nhiệm	32%	44%	22%	2%
Khả năng thích nghi	38%	12%	48%	2%

- Về kiến thức, tác phong lao động và ý thức trách nhiệm có trên 70% ý kiến HV đánh giá khá tốt. Cụ thể, kiến thức (tốt: 30%, khá: 54%); tác phong công nghiệp (tốt: 50%, khá: 28%); ý thức trách nhiệm (tốt: 32%, khá: 44%).

- Về kĩ năng nghề, có đến 68% ý kiến HV cho rằng kĩ năng nghề của họ chỉ dừng lại ở mức trung bình (42%) và yếu là (26%). Qua trao đổi, HV cho biết các trường hiện nay vẫn chưa áp dụng phương pháp dạy học tích hợp lí thuyết và thực hành, người học chỉ được thực hành trên một loại xe nâng thông thường trong quá trình học. Trò chuyện với Trương Minh H., công nhân Công ti TNHH Dệt Kondo: “Em đã tốt nghiệp sơ cấp nghề vận hành xe nâng nhưng khi xin ứng tuyển công ti yêu cầu em chạy xe nâng kẹp cuộn, vì chưa am hiểu về nguyên lí và cách vận hành an toàn nên ban đầu cũng gặp không ít khó khăn”. Trên thực tế, mỗi DN sản xuất một mặt hàng khác nhau, điển hình máy móc và công nghệ được sử dụng trong các kho dược phẩm, nước giải khát, mĩ phẩm, kho lạnh, thiết bị y tế... không giống nhau nên CSDN khó đào tạo theo như công nghệ sản xuất của tất cả các DN.

Mặt khác, chất lượng đào tạo nghề nói chung và sơ cấp nghề nói riêng được thể hiện thông qua kết quả tốt nghiệp và tìm được việc làm sau tốt nghiệp. Đây là hoạt động kiểm tra đánh giá từng kĩ năng tay nghề trong từng lĩnh vực theo quá trình đào tạo, tác phong công nghiệp để công nhận tốt nghiệp cuối khóa và giới thiệu việc làm sau đào tạo cho người học. Khảo sát 56 HV đang làm việc trong các DN hiện nay, có 50/56 HV (chiếm 89,28%) tìm được việc làm hoặc được nhà trường giới thiệu việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Nhưng sau một thời gian, đa số HV đều được đào tạo thêm cho phù hợp với thực tế sản xuất tại công ti vì hầu hết các nhà máy sử dụng từ 35 đến 40% xe nâng động cơ điện như xe nâng động cơ điện đứng lái, xe nâng động cơ điện ngồi lái, xe nâng bán tự động trong khi trên thực tế họ chỉ được học “một” loại xe.

➤ *Thống kê kết quả ý kiến đánh giá người học của doanh nghiệp*

Theo các DN, kiến thức, tác phong lao động và ý thức trách nhiệm của HV trong môi trường công nghiệp ở mức đáp ứng tương đối đến đáp ứng tốt. Về kĩ năng thực hành nghề và khả năng thích nghi chỉ đáp ứng 1 phần hoặc chưa đáp ứng thực tiễn nơi làm việc chiếm tỉ lệ tương đối cao (lần lượt là 17,78% và 24,44%) trong khi yêu cầu của DN đối với người lao động kĩ thuật đã qua đào tạo khi vào làm việc phải có những phẩm chất, kiến thức chuyên môn tốt, kĩ năng thực hành thành thạo, có khả năng vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, có tác phong công nghiệp, chú trọng an toàn lao động và có khả năng phối hợp làm việc nhóm. Số liệu thống kê ở Bảng 6 dưới đây cho thấy ý kiến của người học đã đi làm khá tương đồng với ý kiến đánh giá của DN ở mức độ đáp ứng kiến thức, kĩ năng nghề.

Bảng 6. Đánh giá của DN của về đội ngũ lao động đã qua đào tạo sơ cấp nghề

Nội dung	Mức độ			
	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Lí thuyết	26,67%	44,44%	22,22%	6,67%
Thực hành	13,33%	42,22%	26,67%	17,78%
Tác phong công nghiệp	48,89%	35,56%	11,11%	4,44%
Ý thức trách nhiệm	28,89%	60%	8,89%	2,22%
Khả năng thích nghi	26,67%	44,44%	22,22%	6,67%

Đa số ý kiến cho rằng CTĐT nghề còn khá cứng nhắc theo quy định của chương trình khung. Ông Nguyễn Văn M., Quản đốc xưởng Công ti Staz Hàn Quốc cho biết người lao động sau khi được tuyển dụng, nhìn chung đã được làm việc phù hợp với nghề và trình độ đào tạo. Tuy nhiên, dưới áp lực của cạnh tranh ngày càng cao đòi hỏi Công ti phải đổi mới công nghệ, tổ chức lại sản xuất dẫn đến phải thay đổi cơ cấu sử dụng lao động. Người lao động qua đào tạo nghề, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng với sự thay đổi công nghệ của DN còn hạn chế. DN sau tuyển dụng HV tốt nghiệp vẫn phải đào tạo lại về các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm (giao tiếp, tác phong công nghiệp...), quy trình sản xuất, an toàn lao động... rất mất thời gian và chi phí.

3.3. Đánh giá chung

Trong những năm gần đây, nhu cầu đào tạo sơ cấp nghề liên quan đến thiết bị nâng ngày càng tăng cao do sự phát triển của các công ti, xí nghiệp, bến tàu, bến cảng... Với thời gian học ngắn, chi phí đầu tư thấp nhưng cơ hội việc làm với mức lương ổn định nên nghề này càng được nhiều người lựa chọn, đặc biệt sự liên kết hợp đồng hợp tác đào tạo công nhân vận hành lái xe nâng giữa các CSDN và DN cung cấp cho thị trường lao động cả nước một đội ngũ kỹ thuật lành nghề, có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cũng như sự hăng say trong lao động sản xuất.

Kết quả khảo sát thực trạng đào tạo sơ cấp nghề trên ba nhóm khách thể là DN, GV và cựu HV cho thấy đào tạo nghề trình độ sơ cấp theo nhu cầu DN ở các KCN tỉnh Bình Dương còn tồn tại những mặt sau đây:

- CTĐT chưa sát với yêu cầu công việc, điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế tại DN, nội dung CTĐT chưa theo kịp sự thay đổi của khoa học công nghệ, chưa có sự đồng hành tham gia của cán bộ kỹ thuật DN trong công tác xây dựng chương trình. Các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thiếu sự đồng bộ và đa dạng về chủng loại do ít được đầu tư. Vì vậy, các DN tuyển dụng phải tiến hành bồi dưỡng thêm sau tuyển dụng.
- Các trường nghề chưa nắm bắt thông tin kịp thời về nhu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận thị trường lao động, cụ thể là DN và người học. Bản thân DN cũng chưa thật sự coi trọng nhu cầu đào tạo cho người lao động. Vì là đào tạo trình độ “sơ cấp” nên DN dường như không mặn mà với nhiệm vụ chưa mang lại hiệu quả trước mắt, tốn thêm chi phí về

thời gian, nhân lực. Đa số DN chỉ muốn tuyển lao động không qua đào tạo nghề vì một phần tính chất công việc của sản xuất, phần khác vì người lao động đã qua đào tạo phải trả lương cao.

- Trong quá trình đào tạo bồi dưỡng tại DN, các cơ sở đào tạo gặp một số trường hợp như DN không chuẩn bị đủ cơ sở vật chất để học tập, các thiết bị như xe nâng hàng, cầu trục không thể ngưng làm việc để người học nghề thực hành, buổi học phải gián đoạn hoặc một vài đối tượng học nghề không thể tham gia lớp học đều đặn do công việc không thể thu xếp được, phải vừa học vừa làm không thể tiếp thu bài trọn vẹn làm ảnh hưởng đến hiệu quả đào tạo, dẫn đến kết quả không như DN và CSDN mong muốn.

3. Kết luận

Đào tạo nghề trình độ sơ cấp đáp ứng nhu cầu DN của KCN Bình Dương là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất để tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa thông qua nâng cao chất lượng kỹ năng nghề cho người lao động, đem lại lợi ích cho cả ba bên: người học, CSDN và DN. Kết quả phân tích thực trạng trên cho thấy đào tạo nghề trình độ sơ cấp của CSDN hiện nay chưa thỏa mãn nhu cầu của DN tỉnh Bình Dương. Sự gắn kết giữa CSDN và DN đã được thiết lập song còn khá mờ nhạt, chưa phát huy được hiệu quả đích thực. Nhằm góp phần tạo ra sự cân đối trong đào tạo nguồn lực cho các KCN, khu chế xuất, gắn chặt đào tạo nghề với nhu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh, cần thúc đẩy sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng lao động thông qua hệ thống thông tin cung-cầu nhân lực của thị trường lao động, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới nâng cao chất lượng về các yếu tố CTĐT, đội ngũ GV, chuẩn hóa cơ sở vật chất và quan trọng hơn hết là cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa cơ quan quản lý nhà nước, CSDN và DN để đảm bảo hoạt động đào tạo nghề hướng vào việc đáp ứng nhu cầu DN của các KCN tỉnh Bình Dương.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (23/11/2013). *Nghị quyết 29/NQ-TW về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (27/11/2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. (08/01/2017). *Quyết định số 3142/QĐ-UBND về phê duyệt “Đề án đảm bảo nguồn lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương” giai đoạn 2018-2020 và đến 2025*.